CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Ngày 30/09/2025	25,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.8%	**17.8%**	**29.0%**

DT thuần
Q3/25
3,729
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,572| -29.7%
YoY: ▲ 652| 21.2%

LN thuần
Q3/25
350
tỷ VNĐ
QoQ: ▼150| -29.9%
YoY: ▲ 257| 275%

LN sau thuế
Q3/25
239
tỷ VNĐ
QoQ: ▼174| -42.2%
YoY: ▲ 173| 259%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
10.4%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE (TTM)
Q3/25
7.8%
YoY: +/-▲ 1.8%

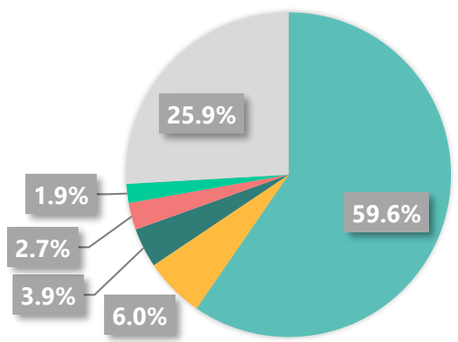
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,412 - 28,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,066
Số lượng CPLH (CP)	679,925,021
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,629,120
Sở hữu nước ngoài	4.9%
Beta	1.03
EPS	1,295
P/E	19.4

DT thuần
9T 2025
13,150
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2,818| 27.3%

LN thuần
9T 2025
1,101
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 431| 64.2%

LN sau thuế
9T 2025
863
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 293| 51.4%

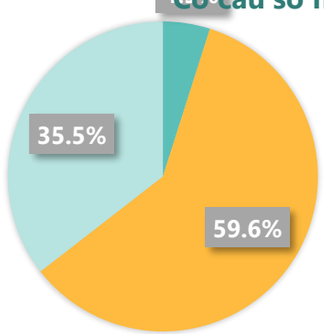
Cơ cấu cổ đông



- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Tổng CTCP Vật tư Nông nghiệp Nghệ An
- Egdbaston Asian Equily Trust
- CTBC Vietnam Equity Fund
- CTCP Lương thực, vật tư nông nghiệp Đăk Lăk
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

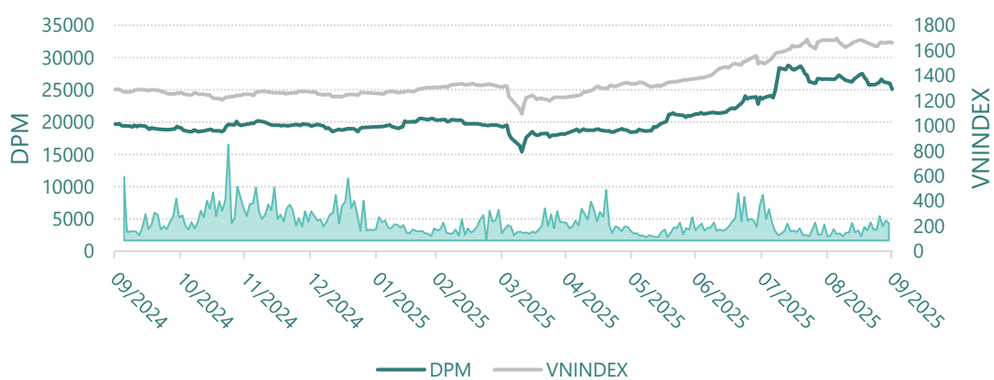
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

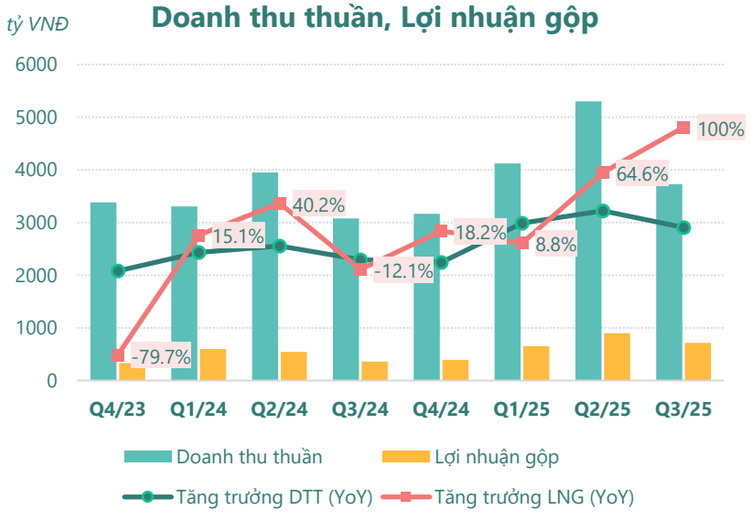
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



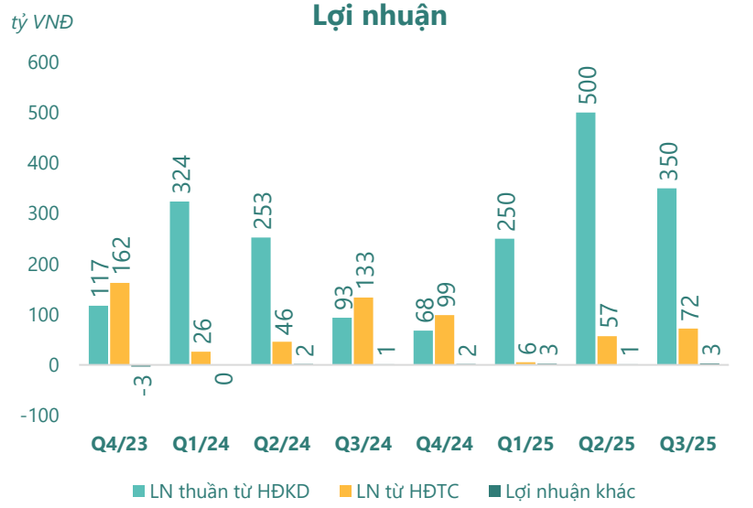
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



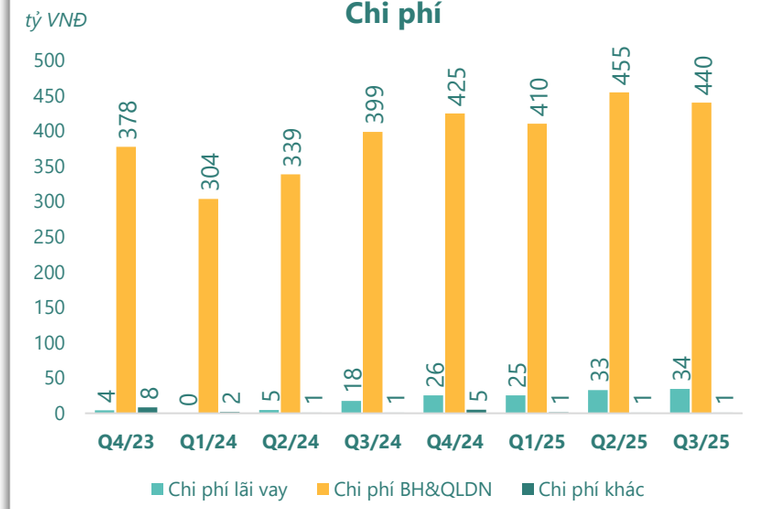
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



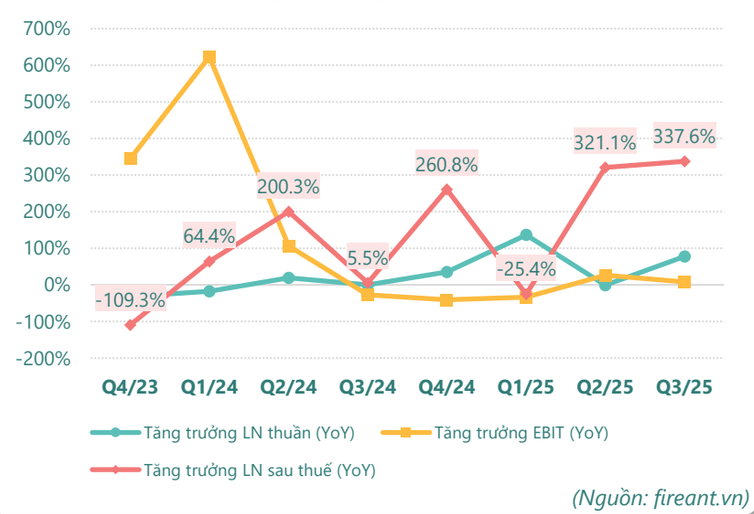
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



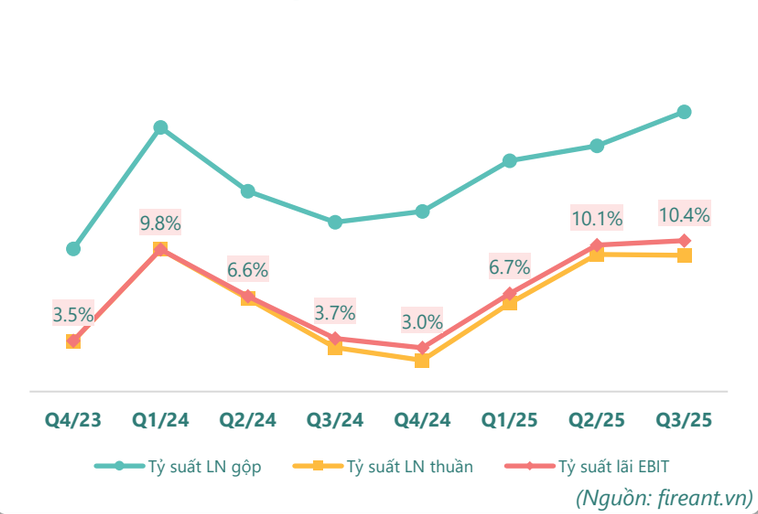
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



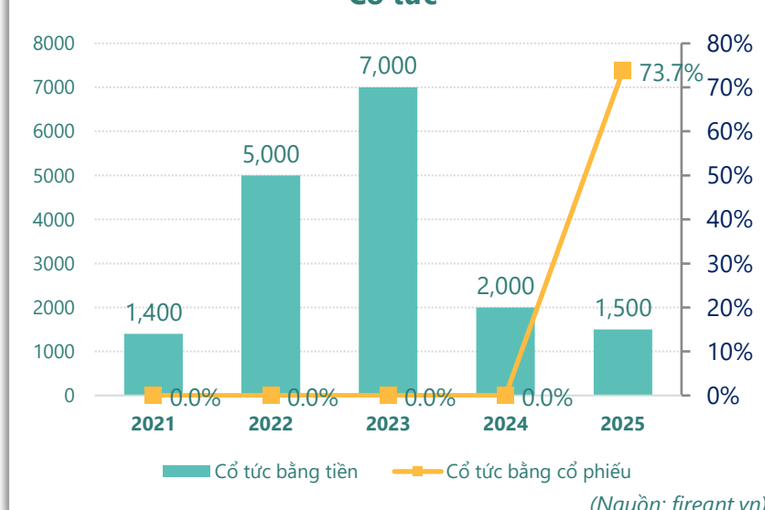
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

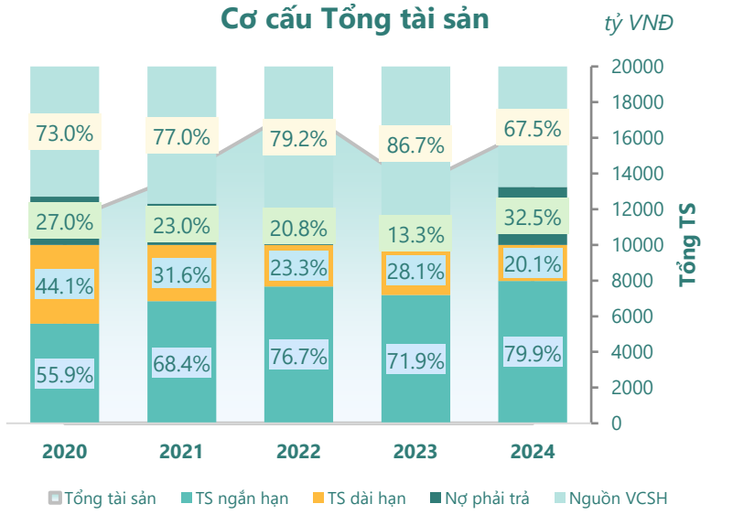
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

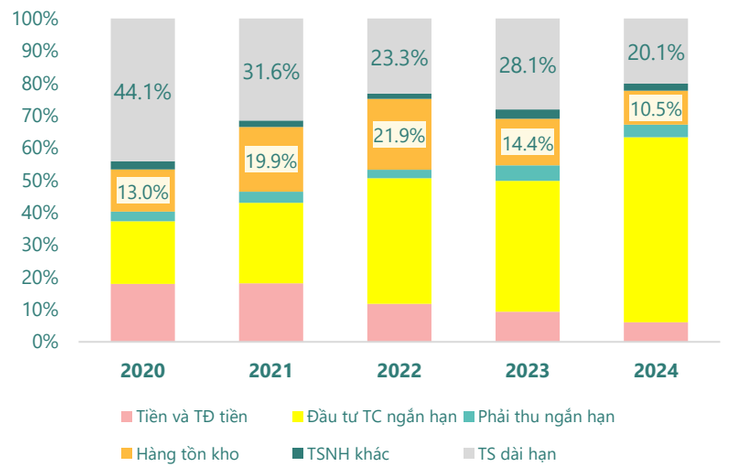
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



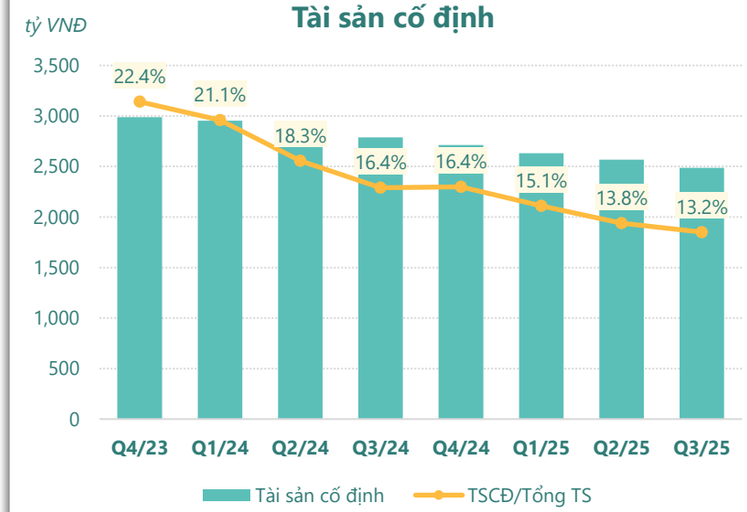
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



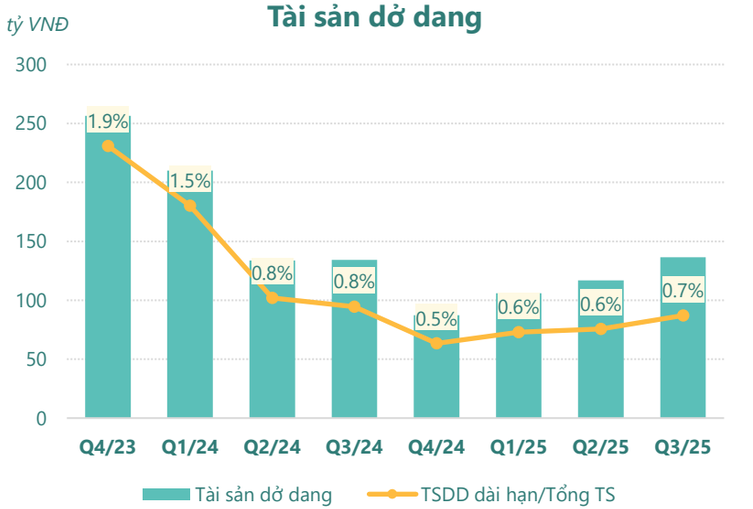
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



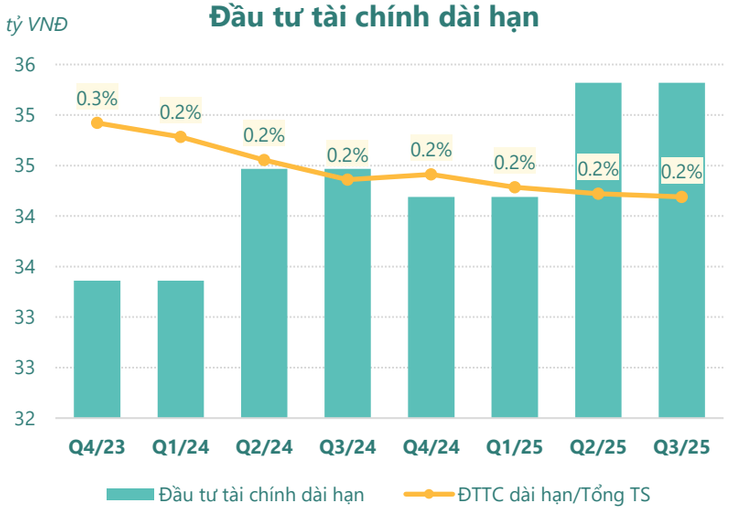
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



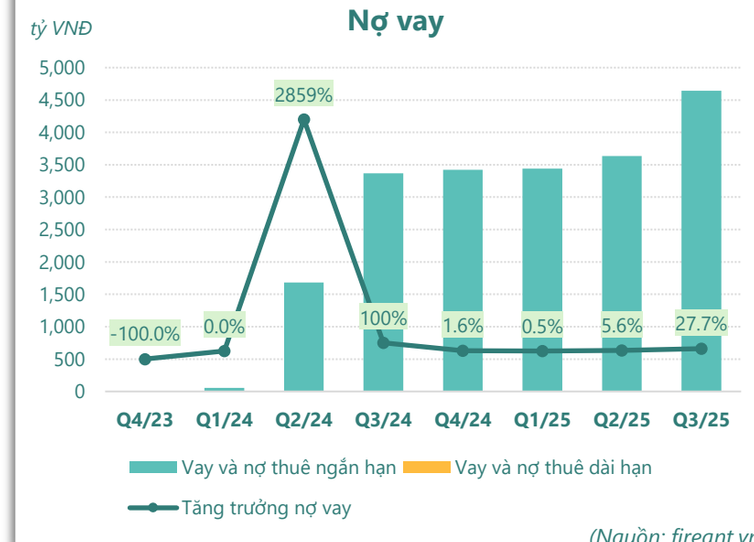
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

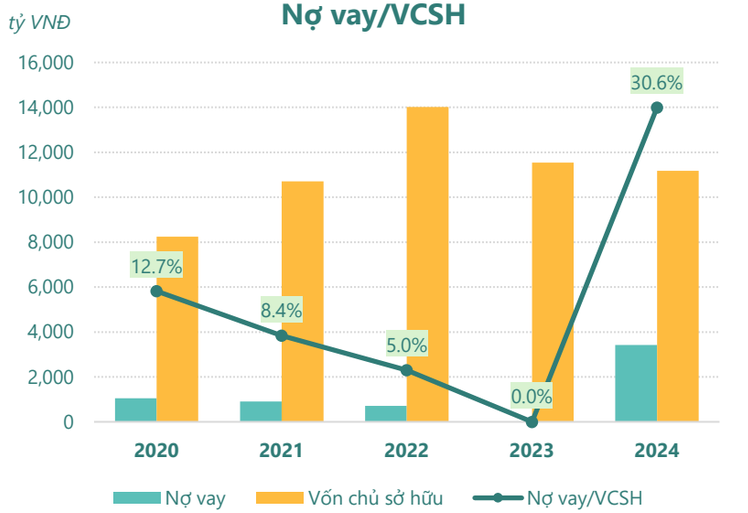
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

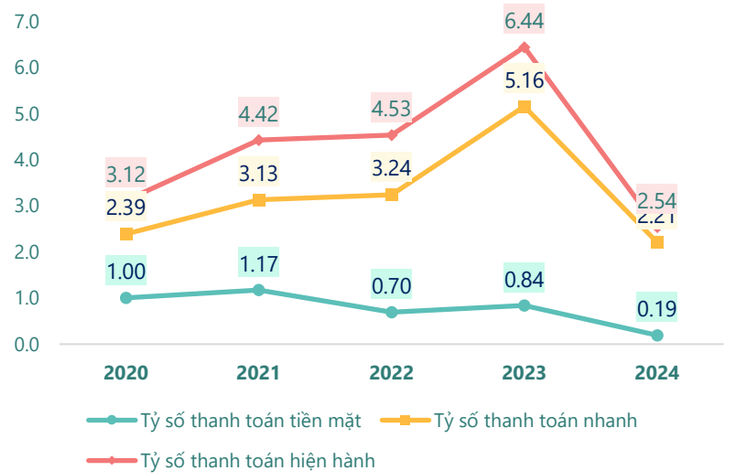
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



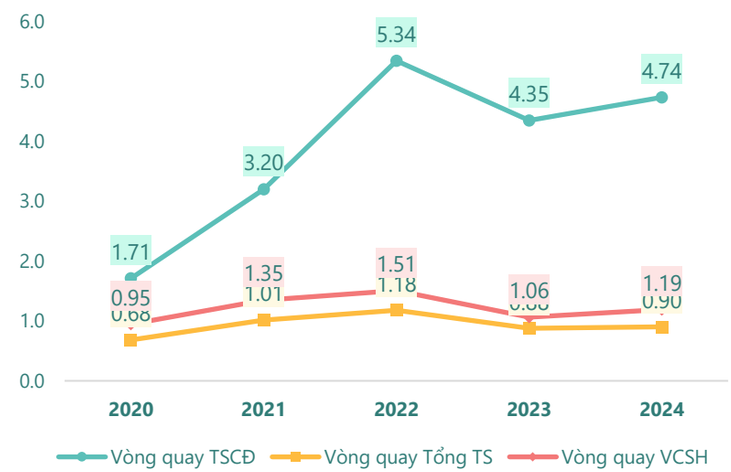
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



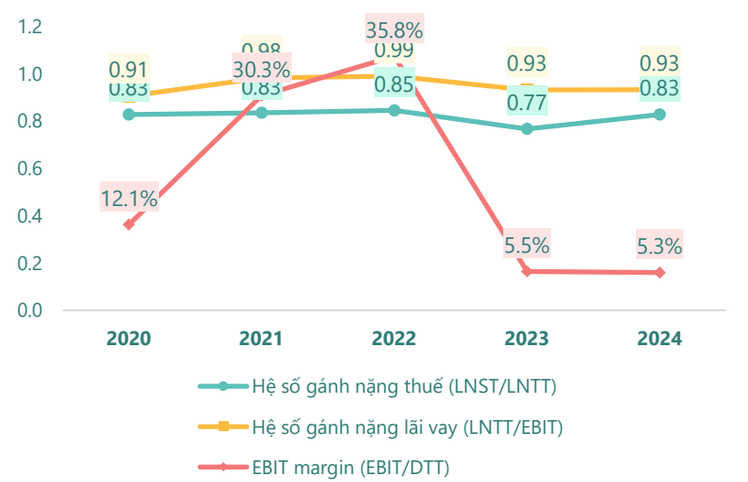
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



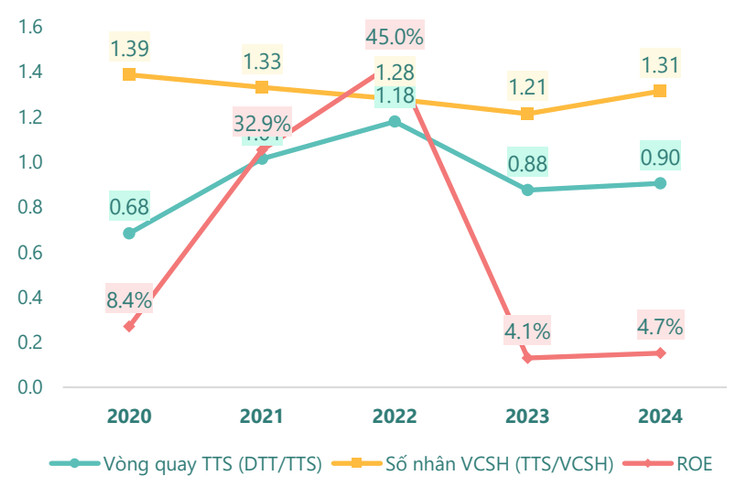
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



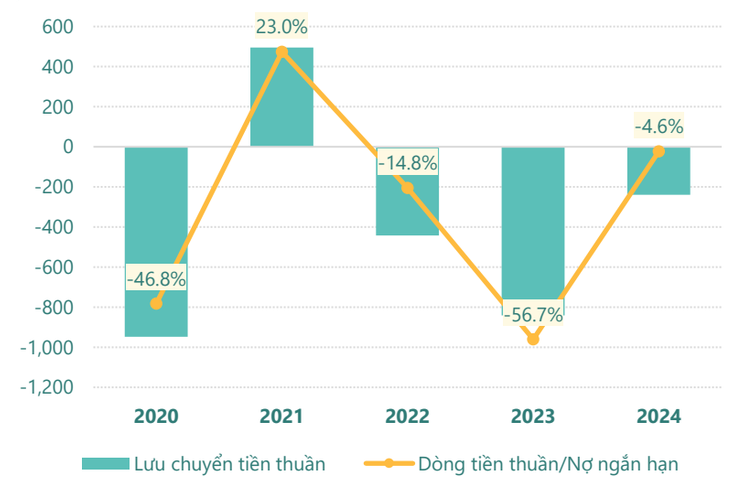
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3,729**	**3,077**	**21.2%**	**13,150**	**10,332**	**27.3%**
Giá vốn hàng bán	3,010	2,718	10.7%	10,880	8,827	23.3%
Lợi nhuận gộp	719	359	100%	2,270	1,505	50.8%
Doanh thu HĐTC	117	159	-26.4%	247	239	3.2%
Chi phí TC	44.8	25.4	76.3%	112	34.2	228%
Chi phí lãi vay	34.3	17.7	94.0%	92.6	22.3	315%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**1.13**	**1.11**	**1.8%**
Chi phí bán hàng	231	233	-0.9%	749	651	15.2%
Chi phí QLDN	**210**	**166**	**26.3%**	**556**	**391**	**42.3%**
LN thuần từ HĐKD	350	93.4	275%	1,101	670	64.2%
Lợi nhuận khác	**2.96**	**1.30**	**128%**	**6.94**	**2.76**	**152%**
LN trước thuế	353	94.7	273%	1,108	673	64.6%
Lợi nhuận sau thuế	**239**	**66.5**	**259%**	**863**	**570**	**51.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**236**	**63.0**	**275%**	**844**	**558**	**51.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,125	-184	-356	203	1,035	-2,086
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2,895	-121	84.5	-499	-986	1,524
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,625	904	91.2	18.8	194	379
Tiền đầu kỳ	735	590	1,188	1,005	728	971
Lưu chuyển tiền thuần	**-145**	**598**	**-180**	**-277**	**242**	**-184**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.46	-0.46	-3.18	0	0.53	0
Tiền cuối kỳ	590	1,188	1,005	728	971	788

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**18,818**	**16,552**	**13.7%**
Tài sản ngắn hạn	15,691	13,220	18.7%
Tiền và tương đương tiền	788	1,005	-21.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,712	9,464	2.6%
Phải thu ngắn hạn	1,368	653	110%
Hàng tồn kho	3,246	1,731	87.6%
Tài sản ngắn hạn khác	577	367	57.3%
Tài sản dài hạn	**3,127**	**3,333**	**-6.2%**
Phải thu dài hạn	1.49	1.13	32.5%
Tài sản cố định	2,487	2,711	-8.3%
Bất động sản đầu tư	174	181	-4.0%
Tài sản dở dang	137	89.4	52.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	35.3	34.2	3.3%
Tài sản dài hạn khác	**293**	**316**	**-7.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	7,476	5,372	39.2%
Nợ ngắn hạn	**7,294**	**5,199**	**40.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,642	3,422	35.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	946	691	36.8%
Nợ dài hạn	182	174	4.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,342**	**11,180**	**1.4%**
Vốn chủ sở hữu	**11,342**	**11,180**	**1.4%**
Vốn điều lệ	6,800	3,914	73.7%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)